TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Số 26/2019/HNGĐ -ST
Ngày 08/5/2019
Về việc tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vân A và anh Phạm Mai L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà : Bà **Lê Hương Giang**
Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Trần Thị Minh**
2/ Bà **Nguyễn Thị Bình**

Th ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Hoa** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai -TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên Toà:
Bà **Nguyễn Thị Hải Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 18/4/2019, giữa các đ- ơng sự :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1982 (có mặt)
ĐKHKTT: Xóm Đ, phường Thanh T, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội
Trú tại: Thôn A, thị trấn P, huyện K, tỉnh H

Bị đơn: Anh Phạm Mai L, sinh năm 1979
ĐKHKTT: Xóm Đ, phường Thanh T, quận Hoàng M, Hà Nội
Chỗ ở trước khi bị bắt: Số nhà 469 V, phường V, quận H, Hà Nội
Hiện đang chấp hành án tại trại giam T, tỉnh T

(Có đơn xin xét xử vắng mặt,vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Chị và anh Phạm Mai L kết hôn tự nguyện ngày 20/7/2010 tại UBND phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh L, còn chị là lần thứ 2, trước đó chị đã kết hôn một lần và đã ly hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống qua một vài nơi, đến năm 2014 anh chị chuyển về sống tại số 469 V, phường V, Hà Nội và sống ổn định cho đến khi anh L bị bắt vì vi phạm pháp luật, sau đó một vài tháng chị và con cũng chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống.

Qúa trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2016 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, bản thân anh L không có nghề nghiệp ổn định, lại không tu chí làm ăn, chơi bời nên đã xa vào tệ nạn ma túy, anh L nghiện ma túy từ nhiều năm nay, chị đã khuyên nhủ anh L nhiều lần nhưng anh L không quyết tâm cai nghiện, không chịu thay đổi bản thân, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng bế tắc, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, mặc dù đã được tổ dân phố và gia đình hòa giải rất nhiều lần nhưng không đem lại kết quả.

Ngày 28/9/2017 anh L bị Tòa án nhân dân quận Hoàn K xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện anh L đang thụ án tại trại giam T, Thanh Hóa. Sau khi anh L đi thụ án, chị và hai con chuyển về nhà bố mẹ chị ở thị trấn K, huyện K, tỉnh H sống cho đến nay. Kể từ khi anh L đi chấp hành án cho đến nay, chị không đến thăm anh L lần nào do chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, quá trình chung sống trước đây chị đã bị tổn thương rất nhiều, đã nhiều lần chị đề cập đến vấn đề ly hôn nhưng anh L không đồng ý, cũng kể từ khi anh L đi cho đến nay một mình chị nuôi con rất vất vả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm việc tại công ty may tư nhân, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn làm thêm, chuyên bán các sản phẩm về Hàn Quốc thu nhập thêm được khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Công việc của chị chỉ làm giờ hành chính, chị không phải đi công tác, hiện chị và các con ở cùng ông bà ngoại nên được ông bà giúp đỡ trong việc chăm sóc các con.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Chị A xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Mai L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/7/2010 tại UBND phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh, còn chị Vân A là lần thứ 2, trước đó chị Vân A đã kết hôn một lần và đã ly hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống qua một vài nơi, đến năm 2014 anh chị chuyển về sống tại số 469 V, phường V, Hà Nội và sống ổn định cho đến khi anh bị bắt vì vi phạm pháp luật.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 04/2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh mải chơi không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con và không giúp đỡ được chị Vân A trong kinh tế gia đình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm ngày càng rạn nứt.

Ngày 28/9/2017 anh bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện anh đang thụ án tại trại giam T, Thanh Hóa. Từ khi anh đi chấp hành án cho đến nay, chị Vân A không lần nào đến thăm anh, chị Vân A cũng không gửi đồ gì thăm nuôi anh hết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài không có khả năng hàn gắn. Nay chị Vân A có đơn đến Tòa xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Vân A có 02 con chung là Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012. Hiện con chung đang ở cùng chị Vân A, anh đang đi chấp hành án nên không có điều kiện để chăm sóc con chung. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị Vân A nuôi cả hai con chung. Anh đề nghị Tòa án tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, sau này khi chấp hành án xong có điều kiện anh sẽ có trách nhiệm với các con sau.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Anh L xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh L xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Vân A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh L. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Chị Vân A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị Vân A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa do anh đang chấp hành án tại trại giam T, Thanh Hóa.

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đương sự trong vụ án chấp hành đúng các thông báo của Tòa án.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của chị V, anh L và tài liệu xác minh tại địa phương, xác nhận cuộc sống hôn nhân giữa chị Vân A, anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 55, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vân A, cho chị Vân A được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao cả hai con chung Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012 cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Chị Vân A, anh L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về các khoản nợ chung: Chị Vân A, anh L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Chị Vân A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thi Vân A có đơn xin ly hôn anh Phạm Mai L. Anh L có nơi ở trước khi bị bắt tại số nhà 469 V, phường V, quận H, Hà Nội. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh L có đơn xin xét xử vắng mặt do anh đang thi hành án trong trại giam T, Thanh Hóa không tham gia phiên tòa được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vân A: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Phạm Mai L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 20/7/2010 do UBND phường T, quận H, Hà Nội cấp xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị Vân A, anh L thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không có công ăn việc làm ổn định, không chịu khó làm ăn, không hỗ trợ chị V kinh tế để chăm lo gia đình, mọi công việc trong gia đình đều do chị V thu vén, không những thế anh L còn xa vào các tệ nạn xã hội dẫn đến bị nghiện ma túy, vì chuyện này mà hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị V đã khuyên nhủ anh L nhiều lần nhưng anh L

không quyết tâm cai nghiện dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, tình cảm vợ chồng bị dạn nứt. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được tổ dân phố và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Ngày 28/9/2017 anh L bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam T – Thanh Hóa. Kể từ khi anh L đi chấp hành án đến nay chị V không đến thăm anh L lần nào, cũng không gửi đồ thăm nuôi cho anh L, việc anh L đi chấp hành án là đỉnh điểm của mâu thuẫn, mặc dù cả hai anh chị đã cố gắng nhưng không có cơ hội để hàn gắn mâu thuẫn. Tòa án cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ nơi anh chị chung sống, cung cấp của địa phương phù hợp với lời khai của anh chị. Tổ dân phố cung cấp mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài từ lâu và không có hướng khắc phục. Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Vân A, anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Vân A có đơn xin ly hôn là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Vân A, cho chị Vân A được ly hôn với anh L.

Về con chung: Căn cứ lời khai của chị Vân A, anh L và giấy khai sinh của con chung xác nhận chị Vân A, anh L có 02 con chung Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012. Ly hôn chị Vân A có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản ghi lời khai anh L đồng ý để chị Vân A nuôi dưỡng cả hai con chung. Do anh đang đi chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con nên anh đề nghị Tòa án tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Xét thấy nguyện vọng về con chung của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, chị Vân A có công việc và thu nhập ổn định, lại ở cùng ông bà ngoại nên có sự giúp đỡ của ông bà, bản thân anh L hiện đang đi chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cả hai con chung Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012 cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác.

***Về tài sản chung là động sản và bất động sản*:** Chị Vân A, anh L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét.

Về các khoản nợ chung: Chị Vân A, anh L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét.

***Về án phí*:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20: Chị Vân A phải chịu 300.000 đồng

tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Vân A đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004002 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Chị Vân A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vân A.

Cho Nguyễn Thị Vân Anh được ly hôn anh Phạm Mai L.

***2.Về con chung*:** Xác nhận chị Nguyễn Thị Vân A và anh Phạm Mai L có 02 con chung là Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012.

Giao cả hai con chung Phạm Băng B, sinh ngày 07/10/2010 và Phạm Thành P, sinh ngày 17/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Mai L kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác.

***2. Về tài sản chung là động sản và bất động sản*:** Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Phạm Mai L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

3.Về các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Phạm Mai L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

***4.Về án phí*:** Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Vân A đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004002 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Xác nhận chị Vân A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Vân A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Mai L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bản án.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân quận Hoàng Mai*
- *Chi cục THADS quận Hoàng Mai*
- *Đương sự*
- *UBND phường Thanh T, quận H, Hà Nội (GCNKH số 71/2010 ngày 20/7/2010)*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hương Giang